

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định tờ khai, ra thông báo số phí phải nộp, quản lý thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở được phân cấp tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, phân loại đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã được phân cấp tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này, thông báo đến người nộp phí chậm nhất là ngày 10 tháng 3 hàng năm.

c) Tổng hợp số liệu hàng năm về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

d) Hàng năm, công khai số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức phù hợp khác để người dân và doanh nghiệp được biết.

đ) Mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” tại Kho bạc Nhà nước đồng cấp trên địa bàn.

e) Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (*Sau đây gọi tắt là Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ*).

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố

a) Tổ chức thẩm định tờ khai, ra thông báo số phí phải nộp, quản lý thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở được phân cấp tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, phân loại đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã được phân cấp tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này, thông báo đến người nộp phí chậm nhất là ngày 10 tháng 3 hàng năm; báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả rà soát, phân loại đối tượng chịu phí theo quy định.

c) Tổng hợp số liệu thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp tại địa phương để báo cáo UBND huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

d) Mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” tại Kho bạc Nhà nước đồng cấp trên địa bàn.

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài Chính và các phòng, đơn vị chức năng liên quan thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức thực hiện Quyết định này và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.


4. Cơ quan thuế

Kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

5. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn, Kho bạc Nhà nước đồng cấp mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” đúng quy định của pháp luật hiện hành về mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Bộ Tài chính;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Trung tâm tin học - Công báo;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Báo Ninh Bình, Đài PT-TH tỉnh;
 - Lưu: VT, VP3, 5;
- Kh_VP3_26QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Phạm Quang Ngọc